

TTĐT (2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 132/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 30/12

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại Việt Nam.

Các hành vi vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; vận tải đường thủy nội địa; tai nạn giao thông đường thủy nội địa và tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa ở ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải cũng được áp dụng các quy định xử phạt tại Nghị định này.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến giao thông đường thủy nội địa không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng các quy định tại các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại Việt Nam.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

3. Người điều khiển tàu biển, người điều khiển tàu cá khi hoạt động trên đường thủy nội địa có hành vi vi phạm quy định tại Điều 5, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 32 hoặc người điều khiển tàu cá có hành vi vi phạm quy định tại Điều 13, Điều 22 của Nghị định này thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các Điều đó, đối với những hành vi vi phạm hành chính khác thì áp dụng hình thức, mức xử phạt quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, thủy sản để xử phạt.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 01 năm. Đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả và áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây đối với mỗi hành vi vi phạm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định này.

4. Mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ quy định tại Điều 15 và Điều 18 của Nghị định này. Mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

5. Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; đối với tổ chức, thẩm quyền phạt tiền mức tối đa gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 5. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đổ rác hoặc rơm, rạ xuống đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa;

b) Buộc động vật vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trồng cây, để đồ vật, dựng lều quán hoặc có hành vi khác làm hạn chế tác dụng của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc làm hạn chế tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;

b) Buộc phương tiện vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng.

3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi để đồ vật, tre, gỗ trôi tự do trong phạm vi luồng.

4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi để bùn, đất, cát, sỏi hoặc chất thải khác rơi, trôi xuống đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tự ý dịch chuyển báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc có hành vi khác làm mất tác dụng của báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng.

6. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tự ý tháo dỡ cấu kiện hoặc lấy đất, đá của công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

b) Đổ bùn, đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác không đúng quy định xuống luồng, trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Làm sạt lở kè, đập giao thông;

b) Để phương tiện đâm, va vào công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình hoặc gây cản trở giao thông;

c) Dựng nhà, làm nhà nổi, xây dựng công trình không đúng quy định theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Dựng nhà, làm nhà nổi, xây dựng công trình khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc phạm vi bảo vệ công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

b) Xây dựng công trình trong phạm vi luồng không đúng quy định theo giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác, nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, cụ thể như sau:

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng không đúng quy định theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên;

b) Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác trong luồng không đúng quy định theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên hoặc nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm mà không đúng với văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa;

d) Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác trong phạm vi luồng mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên hoặc nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa.

10. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xây dựng công trình trong phạm vi luồng khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Cố ý tạo vật chướng ngại trên luồng gây cản trở giao thông;

c) Sử dụng chất nổ làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa.

11. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 9 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện, thiết bị được sử dụng để trực tiếp khai thác cát sỏi hoặc khoáng sản khác đối với vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm d, Điểm đ Khoản 9 Điều này.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển cây, phương tiện, súc vật, đồ vật, tre, gỗ đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3; buộc tháo dỡ lều quán, nhà, nhà nổi, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 8, Điểm a Khoản 10 và buộc tháo dỡ phần vi phạm của nhà, nhà nổi, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 7, Điểm b Khoản 8; buộc thanh thải vật chướng ngại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Điểm a, Điểm b Khoản 7, Điểm c Khoản 10 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công công trình, trục vớt, thanh thải vật chướng ngại, nạo vét luồng, khai thác khoáng sản, khảo sát, thăm dò, tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, thi đấu, biểu diễn thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển phương tiện, thiết bị thi công trên đường thủy nội địa mà không có chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận điều khiển phương tiện, thiết bị hoặc có chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận nhưng không phù hợp với loại phương tiện, thiết bị theo quy định;

b) Bàn giao không đúng thời hạn, không đủ hồ sơ công trình có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi thi công xong công trình.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây trên đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, phạm vi hành lang bảo vệ luồng:

a) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi trục vớt, thanh thải vật chướng ngại, tổ chức tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, diễn tập, trừ trường hợp diễn tập bí mật quốc phòng, an ninh;

b) Thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa chấp thuận khi thi công công trình, trục vớt, thanh thải vật chướng ngại, nạo vét luồng, nạo vét vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác, khảo sát, thăm dò, tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí;

c) Để phương tiện, thiết bị thi công gây cản trở giao thông;

d) Không thanh thải vật chướng ngại sau khi thi công công trình, trực vớt phương tiện chìm đắm;

đ) Không bàn giao hồ sơ công trình có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi thi công xong công trình theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thi công công trình, trực vớt, thanh thải vật chướng ngại, nạo vét luồng, khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác, khảo sát, thăm dò, tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, phạm vi hành lang bảo vệ luồng mà không có phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thi công nạo vét luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa mà đổ bùn, đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác ở ngoài phạm vi luồng nhưng không đúng vị trí quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thi công nạo vét luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa mà đổ bùn, đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác ở trong phạm vi luồng nhưng không đúng vị trí quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về quản lý đường thủy nội địa

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thông báo không kịp thời theo quy định khi luồng thay đổi;

b) Không lập hồ sơ theo dõi vật chướng ngại trên đường thủy nội địa có ảnh hưởng đến an toàn giao thông theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo theo quy định khi luồng thay đổi;

b) Không có biện pháp kịp thời bảo đảm an toàn giao thông khi phát hiện vật chướng ngại trên luồng;

c) Không có biện pháp sửa chữa khi công trình giao thông đường thủy nội địa bị hư hại.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc sửa chữa công trình bị hư hại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa khi khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đánh bắt thủy sản, hải sản lưu động gây cản trở giao thông.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản không đúng theo hướng dẫn của đơn vị quản lý đường thủy nội địa.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không dỡ bỏ dụng cụ, không di dời phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản ngay sau khi chấm dứt hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng;

b) Không dỡ bỏ, di chuyển, thu hẹp dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản theo thông báo của đơn vị quản lý đường thủy nội địa.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đặt dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trên luồng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu dụng cụ, phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di dời dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc dỡ bỏ, di dời, thu hẹp dụng cụ, phương tiện nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về báo hiệu đường thủy nội địa

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt không đủ số lượng báo hiệu theo phương án được duyệt hoặc lắp đặt báo hiệu không đúng quy chuẩn.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt hoặc không duy trì theo quy định đối với báo hiệu bến thủy nội địa, báo hiệu vật chướng ngại là đăng, đáy cá.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt báo hiệu hoặc không duy trì theo quy định báo hiệu cảng thủy nội địa, báo hiệu vị trí vật chướng ngại, báo hiệu công trình xây dựng trên đường thủy nội địa, báo hiệu công trình qua luồng trên không, báo hiệu cầu phao, báo hiệu công trình ngầm vượt sông hoặc không duy trì báo hiệu trên đường thủy nội địa theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đường thủy nội địa phê duyệt.

Điều 10. Vi phạm quy định về trục vớt, thanh thải vật chướng ngại

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thời hạn trục vớt phương tiện bị chìm đắm hoặc thanh thải vật chướng ngại khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đường thủy nội địa.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi trục vớt không hết phương tiện bị chìm đắm hoặc thanh thải không hết vật chướng ngại khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không trục vớt phương tiện bị chìm đắm hoặc không thanh thải vật chướng ngại khác.

Mục 2

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN

Điều 11. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện, đăng ký, đăng kiểm phương tiện

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Kê, gắn số đăng ký của phương tiện không đúng quy định;
- b) Số đăng ký kê, gắn trên phương tiện bị mờ hoặc bị che khuất;
- c) Biển ghi số người được phép chở trên phương tiện bị mờ hoặc bị che khuất;

đ) Kẻ không đúng quy định hoặc để mờ, che khuất vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện;

đ) Đưa phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bẻ vào hoạt động mà không bảo đảm an toàn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm dưới đây, áp dụng cho phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.

a) Không mang theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

b) Không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc không nộp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định;

c) Không kê, gắn số đăng ký của phương tiện theo quy định;

d) Không kê vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc không mang theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực của phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người.

4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc không mang theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc không có sổ danh bạ thuyền viên hoặc không có sổ nhật ký phương tiện theo quy định hoặc không kê, kẻ không đúng biển ghi số người cho phép chở trên phương tiện theo quy định, phương tiện chở khách du lịch không có biển hiệu theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người;

c) Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 100 người.

5. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký hoặc không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến dưới 05 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người;

đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 100 người.

6. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi khai báo không đúng sự thật để đăng ký, đăng kiểm phương tiện; mượn, thuê, cho mượn, cho thuê thiết bị, dụng cụ để được đăng kiểm, như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến dưới 05 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

d) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người;

đ) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 100 người.

7. Xử phạt đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giả, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giả, kê hoặc gắn số đăng ký giả, biển hiệu giả trên phương tiện chở khách du lịch, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến dưới 05 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 30 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 30 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

d) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người;

đ) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người.

8. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm khi sử dụng phương tiện cuốn, hút, phương tiện đặt cần cẩu nổi, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi không mang theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; không mang theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực; không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc không nộp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định; không kê, gắn số đăng ký của phương tiện theo quy định; không kê vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy chứng nhận đăng ký hoặc không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động của phương tiện từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi không thực hiện đăng ký, đăng kiểm quy định tại Khoản 5, Khoản 8 Điều này;

b) Tịch thu giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giả, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giả, biên hiệu và biên số đăng ký giả đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xóa số đăng ký giả kê trên phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 05 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người vào hoạt động mà không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ dụng cụ an toàn theo quy định.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi trang bị không đủ số lượng, không đúng chủng loại, không bảo đảm chất lượng hoặc bố trí không đúng vị trí một trong các thiết bị, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy, neo đậu, liên kết phương tiện theo quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, đoàn lái trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

c) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, đoàn lái trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

d) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 100 người, đoàn lái trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn, nhà hàng nổi, khách sạn nổi hoặc tàu lưu trú ngủ đêm.

3. Xử phạt đối với hành vi không trang bị một trong các loại thiết bị, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy, neo đậu, liên kết phương tiện theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, đoàn lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, đoàn lai trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 100 người, đoàn lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn, nhà hàng nổi, khách sạn nổi hoặc tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với hành vi không lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động - AIS trên phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định khi hoạt động trên tuyến từ bờ ra đảo hoặc giữa các đảo hoặc hành vi không trang bị phao vô tuyến chỉ báo sự cố qua vệ tinh - S.EPIRB trên tàu hàng mang cấp VR-SB có dung tích từ 300 GT trở lên và tàu khách hoạt động tuyến vận tải ven biển theo quy định.

Điều 13. Vi phạm quy định về công dụng, vùng hoạt động của phương tiện

Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đưa phương tiện vào khai thác không đúng công dụng hoặc không đúng vùng hoạt động của phương tiện theo quy định như sau:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 05 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 100 người.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của phương tiện từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định về công dụng tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện

Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai thác phương tiện quá niên hạn sử dụng theo quy định, như sau:

1. Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối phương tiện chở hàng nguy hiểm, chở dầu, chở xô khí hóa lỏng; tàu đệm khí.

2. Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng đối tàu khách có sức chở trên 12 người mà không phải là tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, khách sạn nổi, nhà hàng nổi, tàu đệm khí.

3. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ 02 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện không phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;

b) Không có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện;

c) Không có nhân viên kỹ thuật, nhân viên kiểm tra chất lượng đảm bảo điều kiện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thuộc diện đăng kiểm mà không có hồ sơ thiết kế được cơ quan đăng kiểm thẩm định;

b) Tự ý hoán cải, thay đổi tính năng, kết cấu, công dụng của phương tiện.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật khi hành nghề đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện.

Mục 3 **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ** **ĐIỀU KIỆN CỦA THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN**

Điều 16. Vi phạm quy định về bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền viên, người lái phương tiện có hành vi vi phạm sau đây:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không mang theo chứng chỉ chuyên môn;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không mang theo bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền viên làm việc trên phương tiện không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn nhưng không phù hợp với loại phương tiện theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng không phù hợp với loại phương tiện theo quy định;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với thuyền viên không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn mà theo quy định phải có bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng ba;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với thuyền viên không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn mà theo quy định phải có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhì, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhì;

d) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền viên không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn mà theo quy định phải có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhất, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhất.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giao người đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó mà không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hoặc có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng nhưng không phù hợp với loại phương tiện theo quy định;

b) Giao người không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc chứng chỉ lái phương tiện điều khiển phương tiện; có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ lái phương tiện nhưng không phù hợp với loại phương tiện theo quy định.

4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; tẩy xóa, sửa chữa bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với chứng chỉ nghiệp vụ;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với chứng chỉ chuyên môn đặc biệt;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn quá thời hạn theo quy định.

6. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai báo không đúng sự thật để được cấp, đổi bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với chứng chỉ nghiệp vụ;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chứng chỉ chuyên môn đặc biệt;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng.

7. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn giả của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, như sau:

a) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chứng chỉ chuyên môn đặc biệt, chứng chỉ nghiệp vụ giả;

b) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng ba giả;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhì, bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhì giả;

d) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhất, bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhất giả.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, máy trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Tịch thu bằng thuyền trưởng, máy trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn giả quy định tại Khoản 7 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định đối với chủ phương tiện, người thuê phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi khi đang làm việc trên phương tiện mà có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bố trí đủ định biên thuyền viên theo quy định hoặc sử dụng thuyền viên không có tên trong danh bạ thuyền viên;

b) Không bố trí thuyền viên trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu hoặc không bố trí người cảnh giới khi phương tiện hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế;

c) Thuyền viên được bố trí trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu mà không có mặt trên phương tiện hoặc không thực hiện trông coi phương tiện theo quy định;

d) Sử dụng người không đủ điều kiện theo quy định làm thuyền viên.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giao người không đủ sức khỏe, không đủ tuổi hoặc quá tuổi theo quy định đảm nhận các chức danh thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền phó, máy phó;

b) Bố trí thuyền viên, người lái phương tiện làm việc trên phương tiện trong tình trạng thuyền viên, người lái phương tiện có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng;

c) Thuyền trưởng, thuyền phó không có mặt trên phương tiện trong ca làm việc khi phương tiện đang hành trình;

d) Thuyền trưởng không trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa và trong các trường hợp theo quy định thuyền trưởng phải trực tiếp điều khiển phương tiện;

đ) Thuyền viên không phải là thuyền trưởng mà trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa hoặc trong các trường hợp khác theo quy định thuyền trưởng phải trực tiếp điều khiển phương tiện.

4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi điều khiển phương tiện, làm việc trên phương tiện trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ chuyên môn, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng, như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với người có chứng chỉ chuyên môn;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người có bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng ba;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhì, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhì;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhất, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhất.

5. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký hoặc không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 18. Vi phạm quy định về cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy chế tuyển sinh;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bảo đảm tiêu chuẩn phòng học, xưởng và khu vực thực hành theo quy định;

b) Tài liệu giảng dạy không bảo đảm theo quy định;

c) Giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực hành không bảo đảm điều kiện theo quy định;

d) Không thực hiện đúng quy chế thi, kiểm tra đối với học viên.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện khi chưa được cấp giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện trong thời gian cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về trách nhiệm khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi không báo kịp thời cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây của người gây tai nạn:

a) Không có mặt đúng thời gian triệu tập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Cung cấp không đầy đủ tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bảo vệ hoặc làm thay đổi dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn;

b) Không cung cấp tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi có điều kiện hoặc tham gia nhưng không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hiện trường;

b) Gây mất trật tự, cản trở việc cứu nạn, xử lý tai nạn;

c) Lợi dụng tai nạn xảy ra để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn.

5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi gây tai nạn mà bỏ trốn.

Điều 20. Vi phạm quy định về kiểm tra, kiểm soát

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xuất trình không đầy đủ giấy tờ của phương tiện, của thuyền viên hoặc người lái phương tiện, hàng hóa theo quy định khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành yêu cầu về kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;

b) Cố tình không dừng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát theo lệnh của người có thẩm quyền;

c) Không xuất trình hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài việc xuất trình giấy tờ của phương tiện, của thuyền viên hoặc người lái phương tiện, hàng hóa khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền;

d) Không đưa hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài thời gian đưa phương tiện về nơi xử lý vi phạm theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chống đối việc kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền.

Mục 4 **VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG** **VÀ QUY ĐỊNH VỀ TÍN HIỆU CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Điều 21. Vi phạm quy tắc giao thông

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 05 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Bám buộc vào phương tiện chở người, phương tiện chở hàng hóa nguy hiểm khi đang hành trình;

b) Đẩy phương tiện chở người, phương tiện chở hàng hóa nguy hiểm bám buộc vào phương tiện của mình khi đang hành trình;

c) Không tuân theo chỉ dẫn của báo hiệu đường thủy nội địa;

d) Không giảm tốc độ của phương tiện theo quy định;

đ) Không chấp hành các quy định khi đi qua cầu, cống, âu tàu hoặc chỉ dẫn của người điều tiết giao thông;

e) Không phát tín hiệu của phương tiện theo quy định khi ra, vào cảng, bến thủy nội địa, hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế hoặc nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp;

g) Neo đậu phương tiện ở những nơi cấm neo đậu, không thực hiện đúng các quy định về neo đậu phương tiện hoặc neo đậu phương tiện gây cản trở giao thông;

h) Không phát tín hiệu theo quy định trước khi phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa hoặc vị trí neo đậu phương tiện;

i) Neo đậu phương tiện để bốc xếp hàng hóa, đón trả hành khách ở nơi không phải vùng nước của cảng, bến thủy nội địa đã được công bố, cấp giấy phép hoạt động.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 100 người.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 05 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không phát tín hiệu hoặc phát tín hiệu không đúng quy định khi tránh nhau hoặc vượt nhau;

b) Vượt phương tiện khác khi chưa được phương tiện đó phát tín hiệu cho vượt;

c) Vượt phương tiện khác nơi có báo hiệu cấm vượt, phía trước có phương tiện đi ngược lại hay có vật chướng ngại, nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, nơi có báo hiệu chiều rộng luồng bị hạn chế, khi đi qua khoang thông thuyền, âu tàu;

d) Lam dụng quyền được nhường đường, quyền ưu tiên gây nguy hiểm hoặc trở ngại cho các phương tiện khác;

đ) Không tránh, không nhường đường cho phương tiện khác theo quy định;

e) Bám, buộc vào phương tiện khác hoặc cho phương tiện khác bám, buộc vào phương tiện của mình khi đang hành trình để bốc xếp hàng hóa.

4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 100 người.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển phương tiện lạng lách gây mất an toàn;

b) Điều khiển phương tiện chạy tạo sóng lớn gây tổn hại đến công trình giao thông;

c) Điều khiển phương tiện chạy với tốc độ lớn gây mất an toàn cho phương tiện khác.

6. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện không tuân theo báo hiệu thông báo hạn chế về chiều cao, chiều sâu, chiều rộng mà gây tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông hoặc làm hư hại đến các công trình trên đường thủy nội địa.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện đoàn lái không tuân theo báo hiệu thông báo hạn chế lái dất mà gây tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông hoặc làm hư hỏng các công trình trên đường thủy nội địa.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi đua phương tiện không đúng quy định.

9. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đua phương tiện khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này; tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 02 tháng đến 03 tháng đối với vi phạm quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều này; tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 03 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 8 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với công trình bị hư hại do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều này gây ra.

Điều 22. Vi phạm quy định về tín hiệu của phương tiện

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bố trí không đúng hoặc sử dụng tín hiệu trên phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 50 tấn, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc bè;

b) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, trừ những phương tiện quy định tại Điểm c Khoản này;

c) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa trở lên, phương tiện có tốc độ trên 30 km/h, phương tiện có động cơ chở khách, phương tiện đưa đón hoa tiêu, phương tiện thực hiện nhiệm vụ trên luồng, tàu cá, phương tiện chở hàng nguy hiểm, phương tiện chở người, động vật bị dịch bệnh, đoàn lai hoặc phương tiện đang bị mắc cạn trên luồng.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không bố trí hoặc không sử dụng tín hiệu của phương tiện theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 50 tấn, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc bè;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, trừ những phương tiện quy định tại Điểm c Khoản này;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa trở lên, phương tiện có động cơ chở khách, tàu cá, phương tiện có tốc độ trên 30 km/h, phương tiện đưa đón hoa tiêu, phương tiện chở hàng nguy hiểm, phương tiện chở người, súc vật bị dịch, phương tiện thực hiện nhiệm vụ trên luồng, đoàn lai hoặc phương tiện đang bị mắc cạn trên luồng.

Mục 5

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA VÀ VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 23. Vi phạm quy định về khai thác cảng, bến thủy nội địa

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây của chủ cảng, bến, chủ khai thác cảng, bến:

a) Không có bảng nội quy hoạt động đối với cảng, bến thủy nội địa; cảng, bến khách không có bảng niêm yết giá vé theo quy định;

b) Bố trí không đầy đủ hoặc không đảm bảo điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bố trí một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nơi chờ cho hành khách;

b) Bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận điều khiển phương tiện, thiết bị theo quy định.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây của chủ bến thủy nội địa:

a) Khai thác bến thủy nội địa quá phạm vi vùng nước hoặc khai thác quá thời hạn cho phép; khai thác không đúng mục đích;

b) Tự ý thay đổi kết cấu, kích thước, công dụng của bến thủy nội địa so với quy định tại giấy phép hoạt động;

c) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

d) Sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;

đ) Xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi phương tiện chưa được phép vào vị trí xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách;

e) Xếp hàng hóa xuống phương tiện vượt quá chiều ngang, chiều dài của phương tiện hoặc làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;

g) Tiếp nhận phương tiện có món nước thực chở hoặc kích thước lớn hơn so với quy định trong giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đưa bến thủy nội địa vào hoạt động mà không có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây của chủ cảng, chủ khai thác cảng thủy nội địa:

a) Khai thác cảng thủy nội địa không đúng mục đích; quá phạm vi vùng nước hoặc khai thác quá thời hạn cho phép so với quyết định công bố;

b) Tự ý thay đổi kết cấu, kích thước, chức năng của cảng so với quy định tại quyết định công bố hoạt động;

c) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

d) Sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;

đ) Xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi phương tiện chưa được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa cho phép vào vị trí xếp, dỡ hàng hóa theo quy định;

e) Xếp hàng hóa xuống phương tiện vượt quá chiều ngang, chiều dài của phương tiện hoặc làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;

g) Tiếp nhận phương tiện có mớn nước thực chở hoặc kích thước lớn hơn so với quy định trong quyết định công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Không có hoặc không làm thủ tục xác nhận hàng năm giấy chứng nhận an ninh cho cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc không thực hiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài đã được phê duyệt theo quy định;

i) Không bố trí hoặc bố trí không đủ người làm công tác an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định;

k) Không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cảng tiếp nhận dầu.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đưa cảng vào khai thác mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoạt động.

7. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng trên mỗi hành khách đối với hành vi của chủ cảng, bến, chủ khai thác cảng, bến để hành khách xuống phương tiện vượt quá sức chở của phương tiện.

8. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của chủ cảng, bến chủ khai thác cảng, bến xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn.

9. Xử phạt đối với hành vi của chủ cảng, bến, chủ khai thác cảng, bến để xe ô tô chở hàng hóa từ cảng, bến vượt quá tải trọng cho phép ra khỏi cảng, bến như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi để xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ 10% đến 50% ra khỏi cảng, bến;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi để xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chờ hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ trên 50% đến 100% ra khỏi cảng, bến;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chờ hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% ra khỏi cảng, bến.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động của cảng, bến từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cảng, bến từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 9 Điều này trong trường hợp vi phạm từ 02 lần trở lên hoặc tái phạm.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều này;

b) Buộc đưa lên khỏi phương tiện số hành khách vượt quá sức chở đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này;

c) Buộc đưa lên khỏi phương tiện số hàng hóa chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 8 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về hoạt động của phương tiện trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây của thuyền viên, người lái phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 30 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người:

a) Không để cho người của phương tiện khác đi qua phương tiện của mình;

b) Vi phạm nội quy cảng, bến thủy nội địa hoặc gây mất trật tự tại cảng, bến thủy nội địa;

c) Điều khiển phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa mà không có giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa theo quy định;

d) Không thực hiện sự điều động của người có thẩm quyền huy động phương tiện để cứu người, phương tiện bị nạn;

đ) Tự ý di chuyển phương tiện hoặc neo đậu phương tiện không đúng nơi quy định trong phạm vi vùng nước cảng, bến thủy nội địa;

e) Điều khiển phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa khi chưa được phép của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 30 người đến 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người hoặc đoàn lái trọng tải toàn phần đến 1.000 tấn;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa hoặc có sức chở trên 100 người hoặc đoàn lái có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện vào xếp, dỡ hàng hóa, đón trả hành khách tại cảng, bến thủy nội địa chưa được công bố hoặc chưa được cấp giấy phép hoạt động.

Điều 25. Vi phạm quy định về xếp, dỡ hàng hóa trên phương tiện

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây, áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa:

a) Xếp, dỡ hàng hóa làm nghiêng lệch phương tiện;

b) Xếp hàng hóa che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc cản trở hoạt động của hệ thống lái, neo và các trang thiết bị an toàn khác;

c) Xếp hàng hóa vượt quá kích thước chiều ngang, chiều dọc của phương tiện;

d) Xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 100 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 400 sức ngựa, đoàn lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 400 sức ngựa, đoàn lai trọng tải toàn phần trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với đoàn lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xếp ô tô tải có tải trọng từ 3,5 tấn trở lên hoặc xe ô tô khách từ 16 chỗ ngồi trở lên trên phà một lượt.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xếp hàng hóa theo đúng quy định đối với vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

b) Buộc đưa ô tô không đúng chủng loại lên khỏi phương tiện đối với vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về vận chuyển người, hành khách

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người sử dụng phương tiện không có động cơ sức chở đến 12 người để vận chuyển người, hành khách có một trong các vi phạm sau đây:

a) Không bố trí chỗ ngồi cho hành khách, để hành khách đứng trên phương tiện hoặc có hành vi khác làm mất an toàn của phương tiện; để người, hành khách ngồi trên mui hoặc hai bên mạn của phương tiện;

b) Xếp người, hành khách, hàng hóa, hành lý, xe đạp, xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện khác làm nghiêng lệch phương tiện hoặc che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;

c) Không có nội quy an toàn hoặc không phổ biến nội quy an toàn, không hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, dụng cụ an toàn cho người, hành khách trên phương tiện;

d) Chở động vật nhỏ mà không nhốt trong lồng, cũi hoặc chở động vật lớn cùng với người, hành khách trên phương tiện.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người sử dụng phương tiện không có động cơ sức chở trên 12 người, phương tiện có động cơ sức chở đến 12 người để vận chuyển người, hành khách có một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đón, trả hành khách không đúng nơi quy định;

b) Không có danh sách hành khách trong mỗi chuyến hoặc có danh sách hành khách nhưng không đúng quy định, trừ vận chuyển hành khách ngang sông;

c) Xếp hàng hóa, hành lý trên lối đi của hành khách.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với người sử dụng phương tiện để vận chuyển hành khách có một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc chạy không đúng tuyến, trừ vận chuyển hành khách theo hợp đồng; bỏ chuyến đã đăng ký; chuyển nhượng hành khách sang phương tiện khác khi chưa được sự đồng ý của hành khách, như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 12 người đến 50 người;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 50 người đến 100 người;

c) Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 100 người.

4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với người sử dụng phương tiện tốc độ cao để vận chuyển hành khách có một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc chạy không đúng tuyến, trừ vận chuyển hành khách theo hợp đồng; bỏ chuyến đã đăng ký; chuyển nhượng hành khách sang phương tiện khác khi chưa được sự đồng ý của hành khách, như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng đối với phương tiện tốc độ thiết kế từ 30 km/h trở lên có sức chở dưới 05 người;

b) Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện tốc độ thiết kế từ 30 km/h trở lên có sức chở từ 05 người đến 12 người;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với phương tiện tốc độ thiết kế từ 30 km/h trở lên có sức chở trên 12 người đến 50 người;

d) Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện tốc độ thiết kế từ 30 km/h trở lên có sức chở trên 50 người.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hoá độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật bị dịch bệnh cùng với hành khách.

6. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở vượt quá sức chở người của phương tiện vận tải hành khách ngang sông, phương tiện vận tải hành khách theo hợp đồng như sau:

a) Phạt tiền 50.000 đồng trên mỗi người chở vượt quá số người được phép chở, nếu chở vượt từ 05% đến 20% số người được phép chở;

b) Phạt tiền 70.000 đồng trên mỗi người chở vượt quá số người được phép chở, nếu chở vượt trên 20% đến 50% số người được phép chở;

c) Phạt tiền 100.000 đồng trên mỗi người chở vượt quá số người được phép chở, nếu chở vượt trên 50% số người được phép chở.

7. Phạt tiền từ 3 đến 5 lần giá vé trên mỗi hành khách chở vượt quá số người được phép chở đối với phương tiện vận tải hành khách theo tuyến cố định, phương tiện vận chuyển khách du lịch. Trường hợp không xác định được giá vé thì áp dụng quy định tại Khoản 6 Điều này để xử phạt.

8. Phạt tiền 100.000 đồng trên mỗi người chở vượt đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở trên nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm.

9. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hành khách mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

10. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hành khách theo phương thức hợp đồng chuyên nhưng không có hợp đồng.

11. Trường hợp phương tiện được phép chở người và chở hàng hóa, nếu chở người vượt quá sức chở của phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều này, nếu chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 28 của

Nghị định này. Trường hợp xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều này mà mức tiền phạt vượt quá 75.000.000 đồng thì người ra quyết định xử phạt đến 75.000.000 đồng.

12. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ lái phương tiện từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 6 Điều này hoặc hành vi vi phạm quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều này nếu chở vượt quá số người được phép chở từ 30% trở lên.

13. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đưa lên khỏi phương tiện động vật lớn, hàng hóa dễ cháy, dễ nổ, hàng hóa độc hại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1, Khoản 5 Điều này; buộc đưa lên khỏi phương tiện số người, hành khách vượt quá sức chở của phương tiện theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều này và phải tổ chức cho hành khách chở vượt đến nơi an toàn;

b) Buộc đưa lên khỏi phương tiện và tiêu hủy động vật bị dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định của hành khách

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi không chấp hành nội quy an toàn trên phương tiện, không chấp hành sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi không mặc áo phao cứu sinh hoặc không mang dụng cụ nổi cứu sinh khi tham gia giao thông trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mang hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm vận tải chung với hành khách;

b) Gây mất trật tự, an toàn trên phương tiện.

Điều 28. Vi phạm chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lái.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dầu mớn nước an toàn của phương tiện từ trên 1/5 đến 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lái, như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần từ trên 15 tấn đến 50 tấn;

c) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 100 tấn;

d) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 150 tấn;

đ) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 150 tấn đến 300 tấn;

e) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 300 tấn đến 500 tấn hoặc đoàn lái trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

g) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc đoàn lái trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

h) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc đoàn lái trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn;

i) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với đoàn lái có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dầu mớn nước an toàn trên 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lái, như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 50 tấn;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 100 tấn;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 150 tấn;

đ) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 150 tấn đến 300 tấn;

e) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 300 tấn đến 500 tấn hoặc đoàn lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

g) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc đoàn lai trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

h) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc đoàn lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn;

i) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối đoàn lai trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa nguy hiểm không chấp hành quy định về an toàn phòng, chống cháy, nổ, độc hại ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa nguy hiểm có một trong các vi phạm sau đây:

a) Không trang bị phương tiện, dụng cụ phòng, chống cháy, nổ, độc hại hoặc không có kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm chất lỏng độc hại khi vận tải xăng, dầu, chất lỏng độc hại;

b) Phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm không có biểu trưng hàng hóa nguy hiểm, báo hiệu nguy hiểm;

c) Không thực hiện đúng quy trình làm sạch phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm;

d) Làm sạch phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm không đúng nơi quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về vận tải động vật sống, hàng hóa siêu trường, siêu trọng

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vận tải động vật bị cấm vận chuyển, động vật sống không bảo đảm vệ sinh, phòng dịch và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng mà không có phương án bảo đảm an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu động vật bị cấm vận chuyển quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm vệ sinh, môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong hoạt động vận tải

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hàng hóa không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ trên 15 tấn đến 100 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 50 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ trên 100 tấn đến 200 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 50 sức ngựa đến 150 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ trên 200 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 150 sức ngựa.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hành khách không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với hành khách và người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện có sức chở đến 12 hành khách;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện có sức chở từ trên 12 hành khách đến 50 hành khách;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện có sức chở từ trên 50 hành khách đến 100 hành khách;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện có sức chở trên 100 hành khách; phương tiện cao tốc chở khách.

Điều 32. Vi phạm quy định về hoa tiêu và dẫn luồng trên đường thủy nội địa

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Dẫn phương tiện, tàu biển thuộc diện phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc mà không có chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hoặc giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu;

b) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển không đúng vùng hoạt động của hoa tiêu theo quy định;

c) Hoa tiêu dẫn tàu vào vị trí neo đậu không đúng vị trí chỉ định của Cảng vụ Đường thủy nội địa;

d) Hoa tiêu không thông báo những thay đổi của luồng cho Cảng vụ Đường thủy nội địa;

đ) Hoa tiêu tự ý rời phương tiện khi chưa được phép của thuyền trưởng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không sử dụng hoa tiêu theo quy định;
- b) Không thông báo hoặc thông báo không chính xác về tính năng và đặc điểm của tàu cho hoa tiêu;
- c) Không bảo đảm điều kiện làm việc cho hoa tiêu trong thời gian hoa tiêu ở trên tàu;
- d) Dẫn phương tiện trên tuyến luồng, vùng nước đường thủy nội địa mà không có giấy phép hoạt động hoa tiêu ở khu vực đó;
- đ) Ép buộc thuyền viên, người lái phương tiện phải thuê, mượn việc dẫn luồng tại khu vực không phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 33. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

1. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa:

- a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;
- b) Công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước; bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành;
- c) Nhân viên Cảnh vụ Đường thủy nội địa; nhân viên Cảnh vụ Hàng hải.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về giao thông đường thủy nội địa, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này phải buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính và kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính.

Điều 34. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình theo thẩm quyền, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc tháo dỡ phần công trình, công trình, nhà, nhà nổi, lều quán xây dựng không đúng quy định quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 35. Thẩm quyền của lực lượng Công an nhân dân

Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 15 xảy ra tại cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện, các hành vi vi phạm quy định tại Điều 18 xảy ra tại cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện và các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm

vi thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải tại những cảng, bến thủy nội địa do Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải quản lý, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng, Trạm trưởng, Thủy đội trưởng Cảnh sát đường thủy có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Thủy đoàn trưởng Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp tỉnh; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn trên sông, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy cấp huyện thuộc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

Điều 36. Thẩm quyền của Thanh tra giao thông

Thanh tra giao thông có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng,

bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra Sở Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 52.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 37. Thẩm quyền của Cơ quan được giao thực hiện hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa

Cơ quan được giao thực hiện hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra Chi cục Đường thủy nội địa, Chi cục trưởng Chi cục Đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền của Cảng vụ Đường thủy nội địa

Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện; xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách quy định tại Nghị định này tại cảng, bến thủy được giao quản lý, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng.

2. Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 39. Thẩm quyền của Cảng vụ Hàng hải

Cảng vụ Hàng hải có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện; xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách quy định tại Nghị định này tại cảng, bến thủy nội địa được giao quản lý trong vùng nước cảng biển, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng.

2. Giám đốc Cảng vụ Hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 40. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng

Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình giao thông; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải đường thủy nội địa tại khu vực biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ đội biên phòng, trừ phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ Đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng, Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

Điều 41. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

Cảnh sát biển có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình giao thông; phương tiện, thuyền viên, vận tải thủy tại khu vực trách nhiệm của Cảnh sát biển, trừ phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ Đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.
2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 3.750.000 đồng.
3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;
 - c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.
4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng.
 - c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.
5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng.

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 22.500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng.

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của các lực lượng khác

Lực lượng Kiểm ngư, Thanh tra chuyên ngành: Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, khai thác khoáng sản, vận tải du lịch theo Nghị định này liên quan đến lĩnh vực, ngành mình quản lý.

Điều 43. Tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm

1. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại Khoản 6, Khoản 8 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại Khoản 6 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.

2. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ.

Điều 44. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề và đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động được thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc thời hạn đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này là mức trung bình của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối thiểu của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối đa của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động.

3. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt đã tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề là thời điểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt chưa tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; nội dung quyết định xử

phạt phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành của hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề (thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước) là kể từ thời điểm mà người vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho người có thẩm quyền xử phạt tạm giữ;

c) Khi tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại Điểm b Khoản này và khi trả giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

4. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

5. Trường hợp người có hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề nhưng thời hạn sử dụng còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó ít hơn thời hạn bị tước thì người có thẩm quyền vẫn ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nghị định này bãi bỏ những quy định về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định xử phạt theo nguyên tắc có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 47. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b). *xh 225*

TM. CHÍNH PHỦ



Nguyễn Tấn Dũng